

GIẤY CHỨNG NHẬN/ *CERTIFICATE*

Số/ No.: PGC-QC09-E028-250715

(Mã số/ Code: E-E028)

Chứng nhận sản phẩm/ *Certification for the product:*

Theo Phụ lục – Danh mục sản phẩm được chứng nhận kèm theo/

According to the Annex - Certified product list attached

Được nhập khẩu bởi/ *Imported by:*

CÔNG TY TNHH EUROAPPLIANCES

Địa chỉ/ *Address:* Số 11 Đường 67 Tổ 5 Khu phố 2, phường Tân Hưng,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Phù hợp với Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia/ *Conforms to National Technical Regulations:*

QCVN 9:2012/BKHCN và sửa đổi/ *and amendment 1:2018 QCVN 9:2012/BKHCN*

được phép sử dụng dấu hợp quy (CR) (*)/ *permitted to use regulation marks (CR) (*)*

Phương thức chứng nhận/ *Certification method:*

Phương thức 1/ *Method 1*

(Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/03/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ/ *Circular No. 28/2012/TT-BKHCN dated December 12, 2012 and Circular No. 02/2017/TT-BKHCN dated March 31, 2017 of the Ministry of Science and Technology*)

Ngày cấp chứng nhận/ *Date of issue:* 23/8/2025

Ngày hết hiệu lực/ *Expiration date:* 22/8/2028

(*) Dấu hợp quy/
Regulation marks

PASS: 14i6xzpq



TL. TỔNG GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
CHỨNG NHẬN PHÚC GIA



Nguyễn Văn Nam

Ghi chú/ *Note:* Trong suốt giấy chứng nhận này, dấu chấm được sử dụng làm dấu phân cách thập phân/ *Throughout this certificate, a point is used as the decimal separator.*

Head Office: Số 18, Ngõ 11 Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội
Phone: 0981 996 996/ 0982 996 696/ 024 7779 6696

Cert Center: Số 1, Huỳnh Tấn Phát, Long Biên, Hà Nội
Lab Center: Số 1, Huỳnh Tấn Phát, Long Biên, Hà Nội

E-mail: cert@phucgia.com.vn
Website: https://phucgia.com.vn

**PHỤ LỤC 1 – DANH MỤC SẢN PHẨM ĐƯỢC CHỨNG NHẬN/
ANNEX 1 – CERTIFIED PRODUCT LIST**

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số/ Issued together with Certificate No:
PGC-QC09-E028-250715)

TT/ No.	Tên sản phẩm/ Product's name	Thông tin sản phẩm/ <i>Product information</i> (Theo ghi nhãn/ <i>According to labeling</i>)		
		Nhãn hiệu/ Trademark	Kiểu loại/ Model	Thông số kỹ thuật danh định/ Nominal technical specifications
1	Tủ đông	Miele	FNS 4382 D el	220-240 V, 50-60 Hz, 199 kWh/năm, 277.9 L
2	Tủ đông lắp âm	Miele	FNS 7740 D	220-240 V, 50-60 Hz, 189.8 kWh/năm, 213.3 L
3	Tủ lạnh	Miele	KFN 7744 C	220-240 V, 50-60 Hz, 165.7 kWh/năm, 244.1 L
4	Tủ lạnh	Miele	K 7747 C	220-240 V, 50-60 Hz, 99.6 kWh/năm, 294 L
Được sản xuất tại/ <i>Manufactured in:</i> MIELE & CIE. KG Địa chỉ/ <i>Address:</i> Carl-Miele-Straße 29, 33332 Gütersloh, DE, Germany.				

Ghi chú/ *Note:* Trong suốt giấy chứng nhận này, dấu chấm được sử dụng làm dấu phân cách thập phân/ *Throughout this certificate, a point is used as the decimal separator.*

**PHỤ LỤC 2 – DANH MỤC SẢN PHẨM ĐƯỢC CHỨNG NHẬN/
ANNEX 2 – CERTIFIED PRODUCT LIST**

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số/ Issued together with Certificate No:
PGC-QC09-E028-250715)

TT/ No.	Tên sản phẩm/ Product's name	Thông tin sản phẩm/ <i>Product information</i> (Theo ghi nhãn/ <i>According to labeling</i>)		
		Nhãn hiệu/ Trademark	Kiểu loại/ Model	Thông số kỹ thuật danh định/ Nominal technical specifications
1	Tủ đông kết hợp tủ rượu	Miele	KWNS 4784 DE edt/cs	220-240 V, 50-60 Hz, 190 kWh/năm, 303.9 L
2	Tủ mát	Miele	KS 4383 DD el	220-240 V, 50-60 Hz, 98 kWh/năm, 399.1 L

Được sản xuất tại/ Manufactured in: MIELE & CIE. KG

Địa chỉ/ Address: 5, Luchezar Stanchev Str. floor 6 , Sofia, 1797 Bulgaria.

Ghi chú/ Note: Trong suốt giấy chứng nhận này, dấu chấm được sử dụng làm dấu phân cách thập phân/ Throughout this certificate, a point is used as the decimal separator.

Head Office: Số 18, Ngõ 11 Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội
Phone: 0981 996 996/ 0982 996 696/ 024 7779 6696

Cert Center: Số 1, Huỳnh Tấn Phát, Long Biên, Hà Nội
Lab Center: Số 1, Huỳnh Tấn Phát, Long Biên, Hà Nội

E-mail: cert@phucgia.com.vn
Website: https://phucgia.com.vn